

Bản án số: 08/2021/HS-ST
Ngày 01/3/2021
(án gốc)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định

Ông Nguyễn Tiến Tập

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại **trụ sở** Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 146/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa hình sự sơ thẩm ngày 18/02/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Văn T**, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1994 tại Q, Quảng Ninh. Nơi cư trú: Thôn 12, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: thôn 3, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: nam; con ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị C; vợ, con: chưa có; Tiền án: Ngày 23/11/2016 tại bản án Hình sự sơ thẩm số 45/HSST của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 21/5/2017, bị cáo chấp hành xong hình phạt trở về địa phương. Ngày 10/5/2018, tại bản án số 21/HSST của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 19/01/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt trở về địa phương; Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/10/2020 và tạm giam từ ngày 10/10/2020, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Văn M**, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1969 tại Q, Quảng Ninh; Nơi cư trú: khu C, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn

hóa: lớp 07/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: nam; con ông Phạm Văn V (đã chết) và bà Vũ Thị L; có vợ là Phạm Thị H và có 01 con sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: tại bản án số **41/HSST** ngày 20/7/1999, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Quảng Ninh xử phạt bị cáo 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cướp tài sản công dân”; tại bản án số 383/HSST ngày 31/7/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Q xử phạt bị cáo 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án phúc thẩm số 1578/HSPT ngày 31/10/2003 của Tòa án nhân dân tối cao y án). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/10/2020 và tạm giam từ ngày 10/10/2020, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn 12, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Người làm chứng: anh Nguyễn Thành T và anh Phạm Văn Q; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 01/10/2020, khi Bùi Văn T đang ở nhà Lê Văn L ở tổ 1B, khu 1, phường Y, thành phố U để làm thuê (sơn sửa nhà của cho L) thì L đưa cho T 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng và nói “Mày cầm xuống trạm bơm nước làm mát nhà máy điện cho ông M, lấy 400 về cho anh”. Do cùng uống Methadon với L và Phạm Văn M nên T hiểu ý là mang bán cho M 02 gói ma túy Heroine và cầm về cho L 400.000 đồng. Khoảng 08 giờ 35 phút cùng ngày T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Nenduro biển kiểm soát 14H3-3220 của mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị C đến khu vực trạm bơm nước làm mát nhà máy điện thuộc tổ 32, khu 9, phường Q, thành phố Uông Bí thì thấy M đang đứng đợi, T đi sâu vào trong thì M đi theo. Trường dừng xe để vỏ bao thuốc lá chứa hai túi ma túy xuống phía dưới yên xe chỗ T ngồi, M lại gần đưa cho T 382.000 đồng và bảo “chú thiếu mấy chục”. T đồng ý và đang cầm tiền đếm thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra bắt quả tang và T bỏ chạy, số ma túy chưa kịp đưa cho M rơi xuống đất. Cơ quan Công an thành phố Uông Bí thu giữ tại nền đường ngay chỗ M và T đứng 01 (một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long, 02 gói giấy bạc màu trắng bên trong mỗi gói giấy bạc màu trắng đều chứa chất bột dạng cục.

Ngoài ra, còn thu giữ của T số tiền 382.000đồng, 01 điện thoại OPPO màu đỏ đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu Nenduro biển kiểm soát 14H3 – 3220, 01 thẻ uống Methadon mang tên Bùi Văn T. Thu giữ của M: 01 thẻ căn cước công dân, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS 14X1 – 139.62, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, bên trong có sim số 0337. 684.658 và 210.000đồng.

Tại bản kết luận giám định số 1384/KLGD, ngày 05/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất bột màu trắng (ký hiệu M1, M2) trong 02 gói giấy bạc ghi thu vật chứng của Bùi Văn T và Phạm Văn M là ma túy loại Heroine, khối lượng lần lượt là: M1 0,154 gam; M2: 0,179 gam.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT – VKSUB ngày 24/12/2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và bị cáo Phạm Văn M về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu. Bị cáo M và bị cáo T đều thừa nhận việc mua bán đã được cả hai bên cùng đồng thuận nhưng do cơ quan công an bất ngờ kiểm tra, bắt giữ nên T đã không kịp đưa ma túy cho M và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C (mẹ bị cáo T) và bà Phạm Thị H (vợ bị cáo M) trình bày: ngày 01/10/2020, bà C và bà H đã cho bị cáo T, bị cáo M mượn xe mô tô để sử dụng nhưng việc hai bị cáo đi đâu, làm gì các bà không biết. Tại cơ quan điều tra bà C đã nhận lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Nenduro biển kiểm soát 14H3 – 3220, bà H đã được nhận lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS 14X1 – 139.62 và không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Người làm chứng anh Nguyễn Thành T và anh Phạm Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, trong hồ sơ có lời khai thể hiện: Khoảng 8 giờ 35 phút ngày 01/10/2020, khi đang điều khiển xe đi đến khu 9, phường Q, thành phố Uông Bí (đoạn đường gần trạm bơm) thì nhìn thấy một nam thanh niên (sau này biết tên là T) ngồi trên xe máy, cầm bao thuốc lá Thăng Long màu vàng để trên yên xe phía trước, sau đó một người đàn ông (sau này biết tên là Minh) đến đưa cho nam thanh niên tên T một số tờ tiền, khi người thanh niên này đang đếm thì bị cơ quan công an đến kiểm tra. Lúc đó, nam thanh niên tên T bỏ chạy nhảy xuống sông làm rơi bao thuốc lá Thăng Long xuống nền đường và 02 gói giấy bạc từ trong vỏ bao thuốc rơi ra ngoài. Khi cơ quan công an tiến hành kiểm tra 02 gói giấy bạc này thì anh T và anh Q thấy bên trong hai gói giấy bạc có chứa chất bột màu trắng dạng cục. Sau đó, cơ quan công an niêm phong, thu giữ cùng với các tang vật khác (tại các bút lục từ 128 đến 131).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính:

Áp dụng: điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Bùi Văn T với mức hình phạt từ 07 năm tù đến 08 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn tù từ ngày tạm giữ 01/10/2020.

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Phạm Văn M với mức hình phạt từ 12 tháng tù

đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù từ ngày tạm giữ 01/10/2020.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định và sim điện thoại số 0337.684.658.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 382.000 đồng và 01 điện thoại Mastel có liên quan đến hành vi phạm tội

- **Trả lại cho bị cáo M số tiền 210.000 đồng.**

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát; Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

2.1 Về tội danh:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, **người làm chứng** và phù hợp với biên bản **bắt người** phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của vụ án, kết luận giám định cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 35 phút ngày 01/10/2020, tại tổ 32, khu 9, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Bùi Văn T đang có hành vi bán trái phép **0,333** gam ma túy loại Heroine cho Phạm Văn M với mục đích để sử dụng, thì bị Tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an thành phố Uông Bí phối hợp cùng Công an phường Quang Trung, thành phố Uông Bí làm nhiệm vụ phát hiện, bắt quả tang.

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về

các chất ma túy là khách thể được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này, bị cáo Bùi Văn T thực hiện hành vi bán ma túy trái phép cho bị cáo M và bản thân bị cáo đang có hai tiền án, trong đó có một tiền án thuộc trường hợp tái phạm nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo là “tái phạm nguy hiểm” và đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Phạm Văn M do muốn có ma túy để sử dụng nên đã đến điểm hẹn, gặp T để mua ma túy. Khi hai bên nhất trí việc mua bán, bị cáo T đã nhận tiền và đang đếm chưa kịp đưa ma túy cho M thì bị Công an kiểm tra bắt giữ; việc bị cáo M chưa cầm được ma túy (không thực hiện tội phạm được đến cùng) là nằm ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo M và theo quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt. Do đó, hành vi bị cáo Phạm Văn M đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” (chưa đạt) theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

2.2 Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn T và bị cáo Phạm Văn M thuộc trường hợp nghiêm trọng, nguy hiểm lớn đối với xã hội và bản thân hai bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” (tình tiết định khung hình phạt) nên cần phải áp dụng hình phạt tù tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như để tăng cường phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T bán giúp ma túy cho người khác, bản thân bị cáo không được hưởng lợi và bị cáo M mua ma túy để tàng trữ với mục đích sử dụng, cả hai bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01(một) phong bì niêm phong số 1384/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh bên trong đựng mẫu vật (ma túy thu giữ được của các bị cáo) thuộc loại chất Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 592.000 đồng, trong đó 382.000 đồng thu giữ được của bị cáo Trường là số tiền bị cáo có được do bán ma túy cho bị cáo M phạm tội mà có nên

tịch thu sung ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại 210.000 đồng thu giữ của bị cáo Minh không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo M là chủ sở hữu hợp pháp.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Masstel thu giữ của bị cáo M, bị cáo sử dụng liên lạc để mua ma túy, liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

- 01 sim điện thoại số 0337.684.658 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại OPPO màu đỏ đen, 01 xe mô tô biển kiểm soát 14H3 – 3220, 01 thẻ uống Methadon mang tên Bùi Văn T đã trả lại cho gia đình T quản lý và 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn M, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 14X1 – 139.62 đã trả lại cho gia đình Minh quản lý nên không đề cập giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về người có hành vi liên quan trong vụ án: Theo lời khai của các bị cáo thì Lê Văn L là người đưa ma túy cho bị cáo T để đi bán cho bị cáo M. Quá trình điều tra xác minh hiện L không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

4. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Văn T** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn T 07** (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/10/2020.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn M** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” (chưa đạt).

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn M 12** (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/10/2020

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy 01(một) phong bì niêm phong số 1384/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh và 01 (một) sim điện thoại số 0337.684.658.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 382.000 đồng (ba trăm tám mươi hai nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Masstel.

- Trả lại bị cáo Phạm Văn M số tiền 210.000đồng (hai trăm mười nghìn đồng).

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng được mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng, bản thông kê tiền tang vật ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, danh mục án phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Văn M mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Quang Định

Nguyễn Tiến Tập

Lương Thanh Thúy